

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH T HÓA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2021/HNGĐ - PT

Ngày 26 - 11- 2021

V/v “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH T HÓA

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị T

Các thẩm phán: Bà Lê Thị Sáu

Bà Lê Thị Phương T

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị T Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh T
Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh T Hóa:

Bà Nguyễn T T – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Trong các ngày 23 và 26 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh T Hóa xét xử phúc thẩm công khai vụ án T lý số: 34/2021/TLPT-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2021/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết Đ đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 35/2021/QĐ-PT ngày 27 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Duy T; Sinh năm: 1970; Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện Đông Sơn, tỉnh T Hóa; có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Đ; Sinh năm: 1970; Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện Đông Sơn, tỉnh T Hóa; có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam; Địa chỉ: Số 169, phố L, phường H, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T - Chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị T - Chức vụ: Phó giám đốc Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện Đông Sơn; vắng mặt.

3.2. Cụ Nguyễn Thị T (Lê Thị T); Sinh năm: 1936; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T: Chị Nguyễn Thị Phương Anh - Sinh năm: 1997; có mặt. Theo Giấy ủy quyền ngày 17/11/2021.

3.3. Bà Lê Thị T; Sinh năm: 1976; vắng mặt.

3.4. Chị Lê Thị B; Sinh năm: 1994; có mặt.

3.5. Chị Lê Thị M; Sinh năm: 1998; có mặt.

3.6. Ông Lê Duy Đ; Sinh năm: 1961; vắng mặt.

Các đương sự T, T, B, M và Đ đều trú tại: Thôn P, xã Đ, huyện Đông Sơn, tỉnh T Hóa

3.7. Ông Lê Duy T; Sinh năm: 1959; có mặt.

Địa chỉ: SN 36, N, phường L, TP.T Hóa, T.T Hóa.

3.8. Bà Lê Thị T; Sinh năm: 1961; vắng mặt.

Địa chỉ: Xóm C, xã Đ, huyện Đông Sơn, tỉnh T Hóa.

3.9. Bà Lê Thị T; Sinh năm: 1953; vắng mặt.

Các đương sự T và T đều trú tại: Thôn P, xã Đ, huyện Đông Sơn, tỉnh T Hóa.

3.10. Ủy ban nhân dân huyện Đông Sơn, tỉnh T Hóa.

Địa chỉ: KP C, thị trấn Rừng Thông, huyện Đông Sơn, T Hóa.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Trọng T - Chủ tịch

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Ngọc T - Chuyên viên phòng tài nguyên và môi trường huyện Đông Sơn; vắng mặt.

3.11. Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đông Sơn, T Hóa.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Duy V - Chủ tịch

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trịnh Văn N - Phó Chủ tịch; vắng mặt.

4. *Người làm chứng:* Đều vắng mặt.

4.1. Ông Nguyễn M Đức, sinh năm: 1971

Địa chỉ: Thôn C, xã Quảng Yên, Quảng Xương, T Hóa.

4.2. Anh Nguyễn Thế Thư, sinh năm: 1975

Địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện Đông Sơn, T Hóa.

4.3. Ông Lê Văn V, sinh năm: 1971

Địa chỉ: Thôn T, xã Đông Nam, huyện Đông Sơn, T Hóa.

4.4. Ông Phạm Tiến Tần, sinh năm: 1958

Địa chỉ: Thôn Y (nay là thôn K), xã Quảng Yên, huyện Quảng Xương, T Hóa.

4.5. Ông Lê Xuân M

Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện Đông Sơn, T Hóa.

4.6. Ông Lê Hùng Sơn

Địa chỉ: Xã Quảng Ngọc, huyện Quảng Xương, T Hóa.

4.7. Anh Lê Như Hối

Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện Đông Sơn, T Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/5/2020 và trình bày của nguyên đơn ông Lê Duy T như sau:

Về hôn nhân: Ông T và bà Nguyễn Thị Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức hôn lễ vào vào 19/01/1994 nhưng đến ngày 07/5/2011 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là vợ chồng bất đồng quan điểm sống, giữa hai người không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra va chạm. Xác Đ tình cảm vợ chồng hoàn toàn tan vỡ, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Đ.

Về con: Vợ chồng có 03 con chung là Lê Thị B, sinh năm 1994, Lê Thị M, sinh năm 1998 và Lê Duy Tuấn, sinh ngày 01/01/2008. Hiện nay hai con B và M thành niên nên ông T không có yêu cầu về nuôi dưỡng, cấp dưỡng. Riêng đối với Tuấn là con chưa thành niên, khi ly hôn, ông T có nguyện vọng được trực T nuôi dưỡng, không yêu cầu bà Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Quá trình chung sống vợ chồng có xây dựng 01 căn nhà cấp 4 và công trình phụ trên đất của bố mẹ ông T cho ở nhờ, tại thửa đất số 597, tờ bản đồ số 5 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D0549985 do UBND huyện Đông Sơn cấp ngày 09/9/1994 cho ông Lê Duy Dự (*bố ông T*). Ông T yêu cầu được chia đôi giá trị tài sản vợ chồng xây dựng trên đất, khi ly hôn thì ông và bà Đ phải có trách nhiệm trả lại đất cho bố mẹ của ông. Còn diện tích đất ao của bà ngoại ông T là cụ Nguyễn Thị Tuệ có văn bản cho riêng ông vào ngày 03/4/2007 nên không đồng ý phân chia cho bà Đ. Riêng ngôi nhà 2 tầng (*vợ chồng đang tranh chấp*) được mẹ ông đứng ra xây dựng trên thửa đất số 346 (thửa 663), tờ bản đồ số 15 tại địa chỉ thôn Phú Bật (nay là thôn P), xã Đ, huyện Đông Sơn, tỉnh T Hóa không phải là tài sản chung của vợ chồng nên phải hoàn trả lại cho mẹ của ông.

Về nợ chung: Vợ chồng có vay của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đông Sơn, số tiền nợ gốc là 62.000.000đ, mục đích vay để chăn nuôi, sản xuất, ông T đề nghị giải quyết theo quy Đ của pháp luật.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày:

Về hôn nhân: Bà Đ cũng thống nhất với phần trình bày của ông Lê Duy T về thời điểm tổ chức hôn lễ và đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2017 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên hay xảy ra va chạm. Nay ông T xin ly hôn thì bà Đ đồng ý.

Về con chung: Bà Đ thống nhất như lời trình bày của ông T. Khi ly hôn bà Đ yêu cầu được quyền nuôi con chưa thành niên và buộc ông T có trách nhiệm cấp dưỡng cho con là 3.000.000đ/tháng.

Về tài sản:

Phần tài sản chung của vợ chồng được ông T và bà Đ công nhận là 01 nhà cấp 4 diện tích 13,8m²; 01 Nhà cấp 4 diện tích 26,7m² xây dựng năm 1997; 01 nhà bếp diện tích 21,35m² xây dựng năm 1999; 01 bể nước thể tích 21,76m³; 01 nhà tắm diện tích 4,08m² xây dựng năm 2000; 01 khu chuồng trại diện tích 18,4m² xây dựng năm 1999; Trụ công thể tích 2,7m³ xây dựng năm 2000; Cửa sắt diện tích 3,36m² xây dựng năm 2000.

Về đất của khối tài sản nêu trên được xây nhờ trên diện tích 206,3m² của thửa số 597, tờ bản đồ số 5 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D0549985 do UBND huyện Đông Sơn cấp ngày 09/9/1994 cho ông Lê Duy Dự (bố ông T) tại địa chỉ thôn P, xã Đ, huyện Đông Sơn, tỉnh T Hóa.

Phần tài sản bà Đ yêu cầu nhưng không được ông T công nhận gồm:

- 01 ao có diện tích 210m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng số E0002042, do UBND huyện Đông Sơn cấp ngày 09/9/1994 mang tên bà Lê Thị T.
- 01 ngôi nhà 2 tầng diện tích 150m² được xây dựng trên thửa đất số 346 (thửa 663), tờ bản đồ số 15 tại địa chỉ thôn P, xã Đ, huyện Đông Sơn, tỉnh T Hóa.

Bà Đ đề nghị chia đôi toàn bộ số tài sản nêu trên.

Về nợ chung: Bà Đ thống nhất như lời trình bày của ông T. Bà Đ đề nghị chia đôi trách nhiệm trả nợ.

Quan điểm của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ngân hàng chính chính sách xã hội, Phòng giao dịch huyện Đông Sơn, tỉnh T Hóa trình bày: Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng và các hồ sơ liên quan thì hộ ông Lê Duy T và bà Nguyễn Thị Đ còn nợ của Ngân hàng số tiền là 62.365.508đ, trong đó 62.000.000đ tiền gốc, tiền lãi là: 356.508đ. Đề nghị Tòa án buộc ông T và bà Đ cùng có trách nhiệm T toán nợ theo quy Đ của pháp luật. Ngày 27/11/2020, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng rút yêu cầu vì ông T, bà Đ đã T toán hết các khoản nợ cho Ngân hàng.

Theo biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 10/7/2020 quan điểm của cụ Nguyễn Thị T:

Cụ T là mẹ đẻ của ông Lê Duy T và là mẹ chồng của bà Nguyễn Thị Đ. Chồng cụ là cụ Lê Duy Dự đã mất năm 2011, không để lại di chúc. Cụ Dự và cụ T

có 6 người con gồm: Lê Duy T, Lê Duy Đ, Lê Duy Tình (đã mất), Lê Duy T, Lê Thị T, Lê Thị T. Căn nhà cấp 4 ông T và bà Đ đang yêu cầu Tòa án giải quyết là của vợ chồng ông T và bà Đ xây dựng nhưng đất là của cụ Dự và cụ T cho mượn. Nhà xây dựng năm 1997, diện tích khoảng 20m². Đối với ngôi nhà 02 tầng được xây dựng trên đất của cụ Dự và cụ T do cụ đứng ra xây dựng năm 2017, diện tích khoảng 80m². Cụ T đề nghị giải quyết theo quy Đ của pháp luật.

Theo bản tự khai của đương sự ngày 11/7/2020 quan điểm của ông Lê Duy T:

Bố mẹ của ông là Lê Duy Dự, Nguyễn Thị T có cho vợ chồng người em là Lê Duy T, Nguyễn Thị Đ xây nhờ trên đất của bố mẹ 01 căn nhà cấp 4 diện tích 20m², giấy tờ vẫn đứng tên của bố mẹ, còn ngôi nhà 02 tầng do cụ T xây dựng năm 2017 trên diện tích đất Tộc quyền sử dụng của bố mẹ nên ông T đề nghị giải quyết theo quy Đ của pháp luật.

Bà Lê Thị T và bà Lê Thị T trình bày ý kiến đồng ý với quan điểm của ông Lê Duy T.

Theo bản tự khai của đương sự ngày 11/7/2020, quan điểm của bà Lê Thị T:

Mẹ bà là cụ Nguyễn Thị Tuệ mất (năm 2011) sinh được 03 người con gồm Lê Thị T, Nguyễn Thị T (Lê Thị T) và 01 người con trai đã hy sinh. Cụ Tuệ có diện tích 210m² ao tại thửa đất số 664, tờ bản đồ số 5 xã Đ, huyện Đông Sơn, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng. Năm 2007 Cụ Tuệ đã chuyển nhượng cho cháu ngoại là ông Lê Duy T. Thời điểm này vợ chồng ông T vẫn đang hạnh phúc. Nay đề nghị Tòa án giải quyết theo quy Đ của pháp luật.

Theo biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 10/7/2020, quan điểm của ông Lê Duy Đ:

Bố mẹ là Lê Duy Dự và Nguyễn Thị T sinh được 6 người con như mẹ đã trình bày. Bố Dự là con trai cả nên được ông bà để lại đất. Vì vậy đất của 02 ngôi nhà mà hiện nay vợ chồng T và bà Đ đang yêu cầu Tòa án giải quyết có nguồn gốc là của ông bà nội để lại cho bố mẹ.

Kết quả Đ giá tài sản tranh chấp Theo biên bản Đ giá ngày 04/8/2020:

1. Trị giá tài sản ông T, bà Đ thống nhất là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân:

Xây dựng trên thửa đất số 597, tờ bản đồ số 5 Tộc thôn Phú Bật, xã Đ, huyện Đông Sơn, T Hóa, cụ thể như sau:

| | |
|-----------------------------------|----------------------|
| - 01 nhà cấp 4 xây dựng năm 1997. | Trị giá: 12.614.148đ |
| - 01 Nhà cấp 4 xây dựng năm 1997. | Trị giá: 62.691.000đ |
| - 01 nhà bếp xây dựng năm 1997. | Trị giá: 17.869.000đ |
| - 01 bể nước. | Trị giá: 2.149.453đ |
| - 01 nhà tắm. | Trị giá: 3.582.240đ |
| - Trục công. | Trị giá: 2.378.700đ |

- Khu chuồng trại xây dựng năm 1999. Trị giá: 2.373.000đ

Tổng trị giá tài sản: **104.961.221đ** (một trăm lẻ bốn triệu chín trăm sáu một nghìn hai trăm hai mốt đồng).

Toàn bộ tài sản trên được xây dựng trên đất của cụ Lê Duy Dự và cụ Nguyễn Thị T.

2. Trị giá tài sản ông T, bà Đ đang tranh chấp

- Phần ao diện tích 210m² Tộc thửa đất số 664, tờ bản đồ số 05 thôn Phú Bật, xã Đ, huyện Đông Sơn, T Hóa. Giấy chứng nhận quyền sử dụng số E0002042, do UBND huyện Đông Sơn cấp ngày 09/9/1994 mang tên bà Lê Thị T, trị giá tài sản theo giá nhà nước là: 9.240.000đ, giá trị tài sản theo giá thị trường tại địa phương là: 84.000.000đ.

- Nhà 02 tầng được xây dựng năm 2014 trên thửa đất số 346, tờ bản đồ số 15 thôn Phú Bật, xã Đ, huyện Đông Sơn, T Hóa. Diện tích xây dựng 2 tầng là 150m² trị giá: 519.450.000đ (*năm trăm mười chín triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*). Đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng. Chủ sử dụng đất Tộc UBND xã Đ quản lý.

Tại Bản án số 06/2021/HNGĐ-ST ngày 16/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn đã quyết Đ:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Các khoản 1, 2, 4, 5 Điều 147; Các Điều 227; 228; 229; khoản 2 Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278; khoản 1 Điều 280 BLTTDS; Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 1 Điều 57; Điều 59; Các Điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân gia đình 2014; Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điểm a, b khoản 1 Điều 24; khoản 1 Điều 26; điểm a, b khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử: Vắng mặt Ủy ban nhân dân huyện Đông Sơn, Ủy ban nhân dân xã Đ, bà Nguyễn Thị T (Lê Thị T), bà Lê Thị T, ông Lê Duy Đ, bà Lê Thị T, bà Lê Thị T.

- Chấp nhận đơn phản tố ngày 22/6/2020 của bà Nguyễn Thị Đ.

[1] *Về hôn nhân*: Công nhận thỏa Thuận ly hôn giữa ông Lê Duy T và bà Nguyễn Thị Đ.

[2] *Về nuôi con chung*: Công nhận sự thỏa Thuận giữa ông Lê Duy T và bà Nguyễn Thị Đ như sau:

- Ông Lê Duy T được quyền trực T nuôi con chung chưa thành niên tên Lê Duy Tuấn, sinh ngày ngày 01/01/2008.

- Bà Nguyễn Thị Đ cấp dưỡng nuôi con chung chưa thành niên tên Lê Duy Tuấn, sinh ngày 01/01/2008, số tiền 1.500.000đ/tháng (*một triệu năm trăm nghìn đồng một tháng*). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 4 năm 2021 cho đến khi Lê Duy Tuấn thành niên (đủ 18 tuổi).

- Giành quyền thăm nom, chăm sóc con chung cho bà Đ, không ai được cản trở.

[3] Về chia tài sản:

[3.a] Tổng giá trị tài sản chung là 624.411.221đ (sáu trăm hai tư triệu bốn trăm mười một nghìn hai trăm hai một đồng), chia đôi cho ông T và bà Đ, mỗi người được nhận giá trị là 312.205.610 đồng. Cụ thể như sau:

- Ông Lê Duy T được quyền sở hữu 01 nhà cấp 4 diện tích 13,8m²; 01 Nhà cấp 4 diện tích 26,7m²; 01 nhà bếp diện tích 21,35m²; 01 bể nước diện tích 21,76m³; 01 nhà tắm 4,08m²; 01 khu chuồng trại diện tích 18,4m²; Trụ công diện tích 2,7m³; Cửa sắt diện tích 3,36m². Tổng giá trị tài sản nêu trên bằng 104.961.221 đồng (*một trăm lẻ bốn triệu chín trăm sáu một nghìn hai trăm hai một đồng*).

- Bà Nguyễn Thị Đ được quyền sở hữu ngôi nhà 02 tầng diện tích xây dựng 150m² trên diện tích đất 199m² hiện đang do UBND xã Đ quản lý Tộc thửa đất số 346 (663) tờ bản đồ số 15 tại thôn P, xã Đ, huyện Đông Sơn, tỉnh T Hóa. Tổng giá trị xây dựng bằng 519.450.000đồng (*năm trăm mười chín triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*). Công nhận sự tự nguyện bà Nguyễn Thị Đ tặng phần tài sản mình được chia cho ba con là Lê Thị B, Lê Thị M và Lê Duy Tuấn. Giao ngôi nhà 02 tầng diện tích xây dựng 150m² trên diện tích đất 199m² hiện đang do UBND xã Đ quản lý Tộc thửa đất số 346 (663) tờ bản đồ số 15 tại thôn P, xã Đ, huyện Đông Sơn, tỉnh T Hóa cho Lê Thị B, Lê Thị M và Lê Duy Tuấn được quyền sở hữu.

Đôi trừ giá trị tài sản được phân chia, bà Đ phải T toán khoản tiền chênh lệch giá trị tài sản cho ông T là 207.245.000đồng (*hai trăm lẻ bảy triệu hai trăm bốn lăm nghìn đồng*).

- Bác yêu cầu đòi quyền sở hữu ngôi nhà 02 tầng được xây dựng trên thửa đất số 346 (663), tờ bản đồ số 15 tại thôn P, xã Đ, huyện Đông Sơn, tỉnh T Hóa của bà Nguyễn Thị T (Lê Thị T).

[3.b] Về đất:

- Khối tài sản ông Lê Duy T được giao quyền sở hữu, xây dựng trên diện tích đất là 206,3m² của bố mẹ ông T là ông Lê Duy Dục và bà Nguyễn Thị T (Lê Thị T) tại thửa số 597, tờ bản đồ số 5 thôn P, xã Đ, huyện Đông Sơn, tỉnh T Hóa, ông T có trách nhiệm giải quyết khi có yêu cầu.

- Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Đ trong việc xin cấp quyền sử dụng đất đối với ngôi nhà 02 tầng là phần tài sản bà Đ được giao quyền sở hữu. Giao

cho bà Nguyễn Thị Đ có trách nhiệm liên hệ với các cơ quan chức năng làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy Đ của pháp luật. Trong trường hợp không được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà Đ tự chấp nhận mọi rủi ro.

[4]. Đình chỉ xét xử do đương sự rút yêu cầu đối với việc giải quyết nợ vay của ông Lê Duy T và bà Nguyễn Thị Đ tại Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đông Sơn.

[5]. Đình chỉ xét xử đối với việc rút yêu cầu chia tài sản phân ao diện tích 210m² Tộc thửa đất số 664, tờ bản đồ số 05 thôn Phú Bật, xã Đ, huyện Đông Sơn, T Hóa của bà Nguyễn Thị Đ.

[6]. *Về án phí:* Ông T phải nộp 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 15.610.000đ án phí DSST, tổng cộng 15.910.000đ (mười lăm triệu chín trăm mười nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 1.850.000đ ông T đã nộp tại biên lai T tiền số AA/2019/0008563 ngày 25/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Sơn, ông T còn phải nộp 14.060.000đ (mười bốn triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng). Bà Đ phải nộp 300.000đ tiền án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và 15.610.000đ án phí DSST, tổng cộng: 15.910.000đ (mười lăm triệu chín trăm mười nghìn đồng) được trừ vào được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 10.000.000đ bà Đ đã nộp tại biên lai T tiền số AA/2019/0008586 ngày 29/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Sơn, bà Đ còn phải nộp 5.910.000đ (năm triệu chín trăm mười nghìn đồng). Bà T không phải nộp tiền án phí DSST đối với yêu cầu không được chấp nhận.

Trong các ngày 21, 22, 26/7/2021, nguyên đơn là ông Lê Duy T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị T và ông Lê Duy T kháng cáo với nội dung sau: Đề nghị hủy bản án sơ thẩm và yêu cầu xét xử lại về phần tài sản của vợ chồng ông T, bà Đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và không rút đơn kháng cáo. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị T và ông Lê Duy T không rút đơn kháng cáo. Các đương sự thỏa Thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện VKSND tỉnh T Hóa tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án cấp phúc thẩm đã tuân theo quy Đ của BLTTDS. Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 3 Điều 308; khoản 3 Điều 308 BLTTDS hủy phần tài sản của bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, nghe lời trình bày của các đương sự và ý kiến của đại diện VKSND tỉnh T Hóa tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Trong các ngày 21, 22, 26/7/2021, nguyên đơn là ông Lê Duy T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị T và ông Lê Duy T kháng cáo đối với Bản án số 06/2021/HNGĐ-ST ngày 16/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Kháng cáo của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng trình tự, được làm trong thời hạn luật Đ nên có đủ căn cứ để xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị T và ông Lê Duy T:

Đối với Thửa đất số 346, tờ bản đồ số 15 thôn P, xã Đ, huyện Đông Sơn, T Hóa. Đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng.

Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm T thập Tại công văn số 88/UBND-TNMT ngày 20/01/2021 của UBND huyện Đông Sơn có ý kiến:

Theo bản đồ địa chính năm 1990 gồm các thửa đất 664/200m², 663/176m², 665/170m² là đất ao và đất bằng chưa sử dụng do UBND xã quản lý. Đến năm 1994 thửa 664/200m² được cấp cho hộ bà Lê Thị T, còn lại thửa 663/176m² và 665/170m² vẫn Tộc UBND xã quản lý.

Theo hồ sơ địa chính năm 2012 ba thửa nêu trên được gộp thành thửa 346 diện tích đất 617,4m² tờ bản đồ số 15 chủ sử dụng đất ông Lê Duy T gồm: 210m² ao đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho hộ bà T và 407,4m² vẫn Tộc đất UBND xã quản lý.

Việc hộ gia đình ông Lê Duy T xây dựng nhà ở tháng 10 năm 2014 trên thửa đất 346, tờ bản đồ số 15 là trái quy Đ pháp luật. Trong trường hợp đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở theo quy Đ hiện hành thì hộ gia đình phải nộp 100% tiền đất theo giá đất nhà nước quy Đ”.

Tuy nhiên, theo ông T, cụ T, ông T đều khẳng Đ Thửa đất số 346, tờ bản đồ số 15 có nguồn gốc là đất ao, gia đình cụ T đã sử dụng ổn Đ, lâu dài, có trước năm 1993 và không có tranh chấp là của cụ Dự và cụ T. Mặt khác, bà Đ cũng thừa nhận khu đất ao này là của bố mẹ ông T và được bố mẹ ông T cho nên vợ chồng bà làm nhà 02 tầng trên khu đất này; gia đình ông T đã ở trên khu đất ao từ lâu, đã lấp ao, xây nhà kiên cố, ổn Đ trên khu đất ao này. Quá trình giải quyết vụ án ông T và phía gia đình ông T đều khẳng Đ có sự nhầm lẫn về số thửa đất ghi trong hồ sơ địa chính của xã Đ, nhưng cấp sơ thẩm chưa xác M làm rõ thửa 663/176m², 665/170m² có phải là thửa 597 đất ao trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Lê Duy Dự được cấp ngày 09/9/1994 không? Nếu là đất của UBND xã quản lý thì tại sao gia đình ông T đã quản lý, sử dụng và xây dựng nhà ở kiên cố nhưng các cơ quan chức năng không có ý kiến gì.

Nay cấp sơ thẩm quyết Đ: “Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Đ trong việc xin cấp quyền sử dụng đất đối với ngôi nhà 02 tầng là phần tài sản bà Đ được giao quyền sở hữu. Giao cho bà Nguyễn Thị Đ có trách nhiệm liên hệ với các cơ quan chức năng làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy Đ của pháp luật. Trong trường hợp không được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà Đ tự chấp nhận mọi rủi ro”. Là chưa vững chắc vì chưa làm rõ nguồn gốc thửa 663/176m², 665/170m² là của vợ chồng ông T, bà Đ hay của cụ D, cụ T. Nếu của cụ D, cụ T sử dụng từ trước khi ông T lấy bà Đ thì ông T, bà Đ đã được hai cụ cho chưa? Vì nếu thực tế khu đất này có nguồn gốc là của cụ D, cụ T quản lý mà giao cho bà Đ để bà Đ được cấp GCNQSDĐ là ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Tại cấp phúc thẩm nguyên đơn nộp thêm các chứng cứ mới về xác Đ nguồn gốc đất ao trên của người làm chứng Nguyễn Văn Tá, Nguyễn Thị Toán, Nguyễn Văn Sơn, Lê Đình Bảy, Nguyễn Đức Tuyên, Nguyễn Đức T, Lê Tài Chuyển, Lê Tài Phở, Nguyễn Văn Chung và Lê Văn Cảnh. Văn bản xác nhận nguồn gốc sử dụng đất của các chủ tịch xã Đ, các thời kỳ 1975 – 1978; 1984 – 1989, 1981 – 1998; cán bộ địa chính xã Đ thời kỳ 1982 - 1995 đều khẳng Đ khu đất ao trên là của cụ T và cụ D.

Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm các bên đang tranh chấp về ngôi nhà 02 tầng xây dựng trên thửa đất số 663 diện tích là 199m² là tài sản chung của vợ chồng anh T, chị Đ hay của bà T. Tại phiên tòa phúc thẩm chị Đ khai vợ chồng mâu thuẫn từ đầu năm 2017, đến tháng 10/1017 chị Đ đi khỏi nhà. Thời điểm tháng 10/2017 ngôi nhà 02 tầng chưa hoàn thiện. Việc Đ giá nhà 02 tầng chưa được đảm bảo nên cấp sơ thẩm cần làm rõ nhà 02 tầng xây dựng năm nào và Đ giá lại nhà 02 tầng để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự.

Tại cấp phúc thẩm có tình tiết mới về tài sản mà cấp sơ thẩm chưa xem xét và cấp phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được nên chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị T và ông Lê Duy T hủy phần tài sản của bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[3]. Các quyết Đ khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4]. Về án phí: Số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm về tài sản sẽ được xử lý khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Bản án sơ thẩm bị hủy nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; căn cứ khoản 3 Điều 148 của BLTTDS. Khoản 3 Điều 29 NQ 326/2016/UBTVQH14 quy Đ về mức T, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào Khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310; khoản 3 Điều 148 của BLTTDS. Khoản 3 Điều 29 NQ 326/2016/UBTVQH14 quy Đ về mức T, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Căn cứ vào Điều 55; Điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân gia đình.

1 *Về hôn nhân*: Công nhận Thuần tình ly hôn giữa ông Lê Duy T và bà Nguyễn Thị Đ.

2 *Về con chung*: Công nhận ông Lê Duy T và bà Nguyễn Thị Đ có 03 con chung là Lê Thị B, sinh năm 1994; Lê Thị M, sinh năm 1998 và Lê Duy Tuấn, sinh ngày 01/01/2008. Các cháu B, M đã thành niên.

Công nhận sự thỏa Thuận của ông T, bà Đ giao cháu Tuấn cho ông T trực T nuôi dưỡng. Bà Đ cấp dưỡng nuôi cháu Tuấn mỗi tháng 1.500.000đ (*một triệu năm trăm nghìn đồng*). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 4 năm 2021 cho đến khi cháu Tuấn đủ 18 tuổi.

Bà Đ có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Hủy phần chia tài sản của bản án dân sự sơ thẩm số 06/2021/DS-ST ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn giải quyết lại phần tài sản theo thủ tục sơ thẩm.

4. Về án phí: Số tiền tạm ứng án phí và án phí về chia tài sản sẽ được xử lý khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Lê Duy T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; trả lại cho anh T 300.000 đồng theo Biên lai T tạm ứng án phí số AA/2019/0008706 ngày 05/8/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Sơn, tỉnh T Hóa.

5. Các quyết Đ khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh T Hóa;
- TAND huyện Đông Sơn;
- Chi cục THADS huyện Đông Sơn;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị T

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Sáu

Lê Thị Phương T

Lê Thị T

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh T Hóa;
- TAND huyện Đông Sơn;
- Chi cục THADS huyện Đông Sơn;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị T

